

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15- 9- 2022

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trịnh Điền và bà Lê Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hương Tr, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr,có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Minh Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn Ái T, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Tr, vắng mặt lần hai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị D, sinh năm 1961; cư trú tại: Tiểu khu C, thị trấn Hoàn L, huyện Bồ Tr, tỉnh Quảng B, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ: 108 phố Trần Hưng Đ,phường Cửa N, quận Hoàn K, thành phố Hà N.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Kiều S, phó phụ trách phòng giao dịch thị xã Quảng Trị (Văn bản ủy quyền số 116/HĐQT-NHCT18 ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần C), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Hương Tr trình bày: Bà Lê Thị Hương Tr và ông Dương Minh Th tự nguyện yêu nhau và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu H,

huyện Triệu Ph vào ngày 25/9/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với mẹ chồng đến tháng 7 năm 2020 thì làm nhà và chuyển ra ở riêng vào đầu năm 2021. Cuộc sống vợ chồng ngay sau khi kết hôn đã không hạnh phúc, ông Th không thương yêu bà Tr kể cả khi bà Tr đang mang thai đứa con đầu lòng và nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm bà Tr. Đỉnh điểm vào giai đoạn cuối năm 2021, ông Th có hành vi đánh đập, chửi bới bà Tr nhiều lần. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Th nên bà Tr đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị giải quyết việc ly hôn. Trong quá trình Tòa án hòa giải, bà Tr hi vọng ông Th nhận ra lỗi lầm, yêu thương vợ con hơn nên đã đồng ý trở lại đoàn tụ vợ chồng, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 21/12/2021 nhưng sau khi về chung sống thì anh Th không thay đổi, vẫn không quan tâm, xây dựng hạnh phúc gia đình, tiếp tục có những hành vi bạo lực tinh thần với bà Tr. Từ tháng 6/2022, vợ chồng sống ly thân, bà Tr đưa con về sống cùng nhà mẹ đẻ của mình tại Tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử từ đó cho đến nay; trong thời gian sống ly thân thì ông Th thường xuyên đến thăm con và khuyên bà Tr quay về đoàn tụ. Bà Tr thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà Tr và ông Th không thể hòa giải, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy, bà Tr đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết cho bà Tr được ly hôn với ông Dương Minh Th.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Dương Trúc L, sinh ngày 22/10/2018; Nếu ly hôn, bà Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L; yêu cầu ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L đến tuổi thành niên và có khả năng lao động

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, vào năm 2020, hai vợ chồng có xây dựng một ngôi nhà cấp 4 khoảng 185m² trị giá khoảng 800.000.000 đồng trên thửa đất số 890, tờ bản đồ số 3 tại Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 565598 do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp ngày 10/01/2014 cho ông Dương Minh Th (*đất là tài sản riêng của ông Th trước thời kì hôn nhân nên bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết*). Vì ngôi nhà nằm trên phần diện tích đất là tài sản riêng của ông Th nên bà Tr có nguyện vọng giao lại toàn bộ tài sản chung là ngôi nhà cho ông Th sở hữu và sử dụng, đồng thời ông Th giao cho bà Tr số tiền chênh lệch tài sản là 400.000.000 đồng.

Về nợ chung:

- Vợ chồng có vay Ngân hàng C-Chi nhánh Quảng Tr-Phòng giao dịch thị xã Quảng Tr theo Hợp đồng tín dụng số 2312/2021/HĐCVHM/NHCT450 ngày 23/12/2021. Theo thông báo số dư tài khoản tiền vay của Ngân hàng C-Chi nhánh Quảng Tr-Phòng giao dịch thị xã Quảng Tr ngày 29/6/2022 thì số dư nợ là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng)

- Nợ bà Lê Thị D, sinh năm 1961; địa chỉ: tiểu khu 2, thị trấn Hoàn L, huyện Bố Tr, tỉnh Quảng B (là Cô ruột bà Tr) số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Nếu ly hôn, bà Tr có nguyện vọng:

+ Đối với khoản nợ Ngân hàng: Bà Tr chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là 90.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh; ông Thchịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là 90.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh.

+ Đối với khoản tiền nợ của bà Lê Thị D: Bà Tr chịu trách nhiệm trả nợ cho bà D số tiền nợ 40.000.000 đồng; ông Thchịu trách nhiệm trả nợ cho bà D số tiền nợ 40.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/8/2022, bị đơn ông Dương Minh Th trình bày: Ông Thđồng ý với ý kiến của bà Tr về thời gian kết hôn, thời gian chung sống và con chung. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, vì hoàn cảnh kinh tế nên ông Thbị stress, ảnh hưởng đến thần kinh nên đôi lúc có la mắng, gây gổ vợ con. Theo ông Ththì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông Thvẫn còn thương vợ thương con và mong muốn bà Tr cho ông Ththêm cơ hội sửa chữa sai lầm để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Do đó, việc bà Tr làm đơn ly hôn thì ông Thkhông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Dương Trúc L, sinh ngày 22/10/2018. Khi ly hôn ông Thđồng ý giao cháu L cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Thđồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Lđến tuổi thành niên và có khả năng lao động

Về tài sản chung: Năm 2020, vợ chồng có xây dựng một ngôi nhà cấp 4 với diện tích khoảng 185m² trị giá khoảng 800.000.000 đồng trên thửa đất là tài sản riêng của ông Thcó trước thời kỳ hôn nhân tại thửa đất số 890, tờ bản đồ số 3 tại Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 565598 do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp ngày 10/01/2014 cho ông Dương Minh Th. Vì ngôi nhà này nằm trên phần diện tích đất là tài sản riêng của ông Thnên ông Thcó nguyện vọng sở hữu và sử dụng ngôi nhà và giao cho bà Tr số tiền chênh lệch tài sản là 400.000.000 đồng.

Về nợ chung:

- Vợ chồng có vay Ngân hàng C-Chi nhánh Quảng Tr-Phòng giao dịch thị xã Quảng Trtheo Hợp đồng tín dụng số 2312/2021/HĐCVHM/NHCT450 ngày 23/12/2021. Hiện đang còn dư nợ số tiền là 180.000.000 đồng.

- Vợ chồng có vay bà Lê Thị D số tiền 80.000.000 đồng.

Nếu ly hôn, ông Thđồng ý với nguyện vọng của bà Tr: Số tiền nợ Ngân hàng chia đôi trong đó ông Thchịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là 90.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh; bà Tr chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là 90.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh. Số tiền nợ của bà Lê Thị D, ông Thchịu trách nhiệm trả số tiền nợ 40.000.000 đồng; bà Tr chịu trách nhiệm trả số tiền nợ 40.000.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 22/7/2022 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Công thương Việt Nam trình bày: Ngày 23/12/2021, bà Lê Thị Hương Tr và ông Dương Minh Th đã ký kết hợp đồng với Ngân hàng C-Chi nhánh Quảng Tr-Phòng giao dịch thị xã Quảng Trvay hạn mức số 2312/2021/HĐCVHM/NHCT450. Hạn mức cho vay là 800.000.000 đồng; dư nợ gốc của khoản vay là 180.000.000 đồng và lãi

phát sinh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận số BR565598 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 10/10/2014 cho ông Dương Minh Th theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1112/2020/HĐBĐ/NHCT450-BR565598 ngày 11/12/2020. Đề nghị Tòa án buộc ông Th và bà Tr có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 180.000.000 đồng và lãi là 1.268.877 đồng tính đến ngày 15/9/2022 theo các giấy nhận nợ số 01 ngày 23/12/2021 và giấy nhận nợ số 03 ngày 18/3/2022. Trường hợp ông Th và bà Tr không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản mà ông Th và bà Tr đã thế chấp.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/8/2022, bà Lê Thị D trình bày: Ngày 16/8/2020, bà Tr và ông Th có vay bà D số tiền là 80.000.000 đồng để làm nhà. Nay bà Tr và ông Th đang làm thủ tục ly hôn thì bà D yêu cầu ông Th và bà D có trách nhiệm trả nợ cho bà D số tiền là 80.000.000 đồng, bà D không yêu cầu tính lãi, cụ thể: Ông Th trả nợ cho bà D số tiền là 40.000.000 đồng; bà Tr trả nợ cho bà D là 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong phát biểu ý kiến đối với việc giải quyết vụ án như sau:

- Về phần thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định. Riêng đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 59 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: cho bà Lê Thị Hương Tr được ly hôn ông Dương Minh Th; về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản hòa giải ngày 05/8/2022: Giao cháu Dương Trúc L, sinh ngày 22/10/2018 cho bà Lê Thị Hương Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Th cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000/tháng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.; về tài sản chung và nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản hòa giải ngày 05/8/2022 về việc chia tài sản chung và nợ chung; về án phí bà Tr và ông Th phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử mở vào ngày 06/9/2022 nhưng tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Minh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D có đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đều có mặt đầy đủ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hương Tr và ông Dương Minh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Triệu Hòa, huyện Triệu Phong cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông Th là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà Tr và ông Th có thời gian chung sống với nhau gần 05 năm nhưng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Năm 2021, bà Tr đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị giải quyết ly hôn. Trong quá trình Tòa án hòa giải, bà Tr hi vọng ông Th nhận ra lỗi lầm, yêu thương vợ con hơn nên đã đồng ý trở lại đoàn tụ vợ chồng, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 21/12/2021. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng đoàn tụ đến nay thì tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, bà Tr đưa con về sống cùng nhà mẹ đẻ của mình tại Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử từ tháng 6/2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì ông Th thường xuyên đến thăm con và khuyên bà Tr quay về đoàn tụ nhưng bà Tr thấy mâu thuẫn giữa bà Tr và ông Th không thể hòa giải được nên không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tr và ông Th đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, không ai có giải pháp gì để vợ chồng trở lại đoàn tụ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, xử cho bà Lê Thị Hương Tr được ly hôn với ông Dương Minh Th.

[2.2] Về con chung: Bà Tr và ông Th có một con chung là cháu Dương Trúc L, sinh ngày 22/10/2018. Hiện đang do bà Tr nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, bà Tr có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Tr và ông Th sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì bà Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L nên cháu đã có cuộc sống ổn định. Hơn nữa, cháu lại là con gái, đang còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th đồng ý giao cháu L cho bà Tr nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu của bà Tr là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án đã xác định được khối tài sản chung trong thời gian chung sống với nhau giữa bà Lê Thị Hương Tr và ông Dương Minh Th gồm có:

01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích khoảng 185m² tại Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong trị giá 800.000.000 đồng được xây dựng trên diện tích đất của ông Th (là tài sản riêng của ông Th có trước thời kỳ hôn nhân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 565598 do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp ngày 10/01/2014 cho ông Dương Minh Th. Xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà Tr và ông Th, Hội đồng xét xử thấy: Năm 2020, bà Tr và ông Th làm nhà trên đất đã được cấp riêng cho ông Th nên cần giao cho ông Th sở hữu ngôi nhà trị giá 800.000.000 đồng. Ông Th thanh toán cho bà Tr số tiền chênh lệch tài sản là 400.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.4] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Tr và ông Th đều xác nhận có các khoản nợ chung sau:

+ Nợ Ngân hàng Công thương Việt Nam: Tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

+ Nợ bà Lê Thị D số tiền là 80.000.000 đồng.

Xem xét yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ chung của bà Tr và ông Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với nợ Ngân hàng: Ngày 23/12/2021, bà Lê Thị Hương Tr và ông Dương Minh Th có ký hợp đồng với Ngân hàng C-Chi nhánh Quảng Tr-Phòng giao dịch thị xã Quảng Tr vay hạn mức số 2312/2021/HĐCVHM/NHCT450 ngày 23/12/2021. Hạn mức cho vay là 800.000.000 đồng. Ngày 23/12/2021, bà Tr và ông Th đã ký giấy nhận nợ số 01 với số tiền gốc là 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, đến ngày 19/7/2022, bà Tr và ông Th đã trả được số tiền gốc là 270.000.000 đồng; dư nợ gốc cuối kỳ là 30.000.000 đồng. Ngày 18/3/2022, bà Tr và ông Th đã ký nhận nợ số 03 với số tiền gốc là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, đến ngày 15/7/2022, bà Tr và ông Th không trả tiền gốc nên dư nợ gốc cuối kỳ là 150.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc là 180.000.000 đồng và lãi là 1.268.877 đồng tính đến ngày 15/9/2022. Đảm bảo cho khoản vay trên là tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận số BR565598 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 10/10/2014 cho ông Dương Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1112/2020/HĐBĐ/NHCT450-BR565598 ngày 11/12/2020. Mặc dù tài phiên tòa hôm nay, ông Th vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông Th đồng ý chia đôi khoản nợ Ngân hàng. Tại phiên tòa, bà Tr và người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng cũng đồng ý chia đôi khoản nợ này. Do đó cần buộc bà Lê Thị Hương Tr trả cho Ngân hàng theo các giấy nhận nợ số 01 ngày 23/12/2021 và giấy nhận nợ số 03 ngày 18/3/2022 với tổng số tiền là 90.634.439 đồng trong đó tiền gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 634.439 đồng tính đến ngày 15/9/2022; buộc ông Dương Minh Th trả cho Ngân hàng theo giấy nhận nợ số 03 ngày 18/3/2022 với tổng số tiền là 90.634.439 đồng trong đó tiền gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 634.439 đồng tính đến ngày 15/9/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình. Trường hợp hết thời hạn hợp đồng tại giấy nhận nợ số 03 ngày 18/3/2022 nhưng ông Th không thanh toán

được khoản gốc và lãi nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của ông Th.

+ Đối với khoản nợ chung của bà Lê Thị D: Quá trình giải quyết vụ án, bà Tr và ông Th đồng ý chia đôi khoản nợ của bà D và đây cũng là nguyện vọng của bà Dung. Do đó, cần buộc ông Th trả cho bà D số tiền nợ 40.000.000 đồng; bà Tr trả cho bà D số tiền nợ 40.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình.

Như vậy, tổng giá trị tài sản còn lại của bà Tr được hưởng là 269.365.561 đồng (*làm tròn số là 269.366.000 đồng*); tổng giá trị tài sản còn lại của ông Th được hưởng là 269.365.561 đồng (*làm tròn số là 269.366.000 đồng*).

[4] Về án phí: Bà Lê Thị Hương Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; chịu 13.468.300 án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được hưởng; chịu 4.531.722 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng; chịu 2.000.000 án phí dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ đối với bà Dung. Tổng cộng là 20.300.022 đồng

Ông Dương Minh Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con; chịu 13.468.300 đồng dân sự sơ thẩm đối với tài sản được hưởng; chịu 4.531.722 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng; chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ đối với bà Dung. Tổng cộng là 20.300.022 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 118, 33, 37, 59 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 218, 219 Bộ luật dân sự; điểm a, b khoản 5; điểm a khoản 6; điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- **Về quan hệ Hôn nhân:** Xử cho bà Lê Thị Hương Tr được ly hôn ông Dương Minh Th.

- **Về con chung:** Giao cháu Dương Trúc L, sinh ngày 22/10/2018 cho bà Lê Thị Hương Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Tr yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000/tháng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành mà bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền đối với số tiền

chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Về tài sản chung và nợ chung:

Giao cho ông Dương Minh Th được sở hữu 01 ngôi nhà với diện tích 185m² tọa lạc tại Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trị giá 800.000.000 đồng. Ông Th thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho bà Lê Thị Hương Tr số tiền là 400.000.000 đồng.

Ông Dương Minh Th có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị D số tiền là 40.000.000 đồng; trả cho Ngân hàng C-Chi nhánh Quảng Tr-Phòng giao dịch thị xã Quảng Tr theo giấy nhận nợ số 03 ngày 18/3/2022 với tổng số tiền là 90.634.439 đồng trong đó tiền gốc 90.000.000 đồng; tiền lãi 634.439 tính đến ngày 15/9/2022.

Tổng giá trị tài sản còn lại ông Th được hưởng là 269.366.000 đồng.

Bà Lê Thị Hương Tr được nhận ở ông Th 400.000.000 đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản.

Bà Lê Thị Hương Tr có nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị D số tiền là 40.000.000 đồng; trả cho Ngân hàng C-Chi nhánh Quảng Tr-Phòng giao dịch thị xã Quảng Tr theo các giấy nhận nợ số 01 ngày 23/12/2021 và giấy nhận nợ số 03 ngày 18/3/2022 với tổng số tiền là 90.634.439 đồng trong đó tiền gốc 90.000.000 đồng; tiền lãi 634.439 đồng tính đến ngày 15/9/2022.

Tổng giá trị tài sản còn lại bà Tr được hưởng là 269.366.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (15/9/2022) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền gốc phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong trường hợp hết thời hạn hợp đồng theo giấy nhận nợ số 03 ngày 18/3/2022, ông Dương Minh Th không thanh toán khoản nợ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 565 598 tại tờ bản đồ số 3, thửa số 890, diện tích 214,0m² do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp ngày 10 tháng 01 năm 2014 cho ông Dương Minh Th, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1112/2020/HĐBĐ/NHCT450-BR565598 ngày 11/12/2020.

- **Về án phí:** Buộc bà Lê Thị Hương Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; chịu 13.468.300 án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được hưởng; chịu 4.531.722 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng; chịu 2.000.000 án phí dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ đối với bà Dung. Tổng cộng là 20.300.022 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.300.000 đồng tại biên lai thu số 0000202 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong. bà Lê Thị Hương Tr phải nộp tiếp số tiền là 10.000.022 đồng (*làm tròn số là 10.000.000 đồng*).

Buộc ông Dương Minh Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con; chịu 13.468.300 án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được hưởng; chịu 4.531.722 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng; chịu 2.000.000 án phí dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ đối với bà Dung. Tổng cộng là 20.300.022 đồng (*làm tròn số là 20.300.000 đồng*).

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

